TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

BẢN ÁN SỐ: 76 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 7 tháng 9 năm 2023
(*V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM GỒM CÓ:

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ: Ông Phạm Văn Toàn
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN: 1/ Bà Nguyễn Thị Phẩm
2/ Bà Bùi Thị Hảo

THƯ KÍ PHIÊN TOÀ: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số: 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2023 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1995;
ĐKHKTT: Khu 3, xã A, huyện B, tỉnh Phú Thọ;
Chỗ ở hiện nay: Đ, xã H, thị xã E, tỉnh Yên Bái
- Bị đơn: Anh Dư Văn T, sinh năm 1993;
ĐKHKTT: Khu 3, xã A, huyện B, tỉnh Phú Thọ;
Hiện đang ở Đài Loan
(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày:

Chị và anh Dư Văn T đăng ký kết hôn ngày 05/12/2014 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị N về nhà bố mẹ ở từ cuối năm 2021 đến nay còn anh T sang Đài Loan làm việc từ tháng 4/ 2022 đếm nay, hai anh chị không còn liên lạc gì nữa. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung. Chị N không có con riêng.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn chị N tự nguyện chịu.

- Bị đơn: Anh Dư Văn T vắng mặt.

Tại các bản khai bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ anh T trình bày anh Dư Văn T là con của ông với bà C, anh T hiện đang ở Đài Loan. Ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại, nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan nên ông bà không thể cung cấp địa chỉ tại Đài Loan của anh T cho Tòa án. Anh T không về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn với chị N, nên ông bà đồng ý nhận thay anh T các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan thông báo trực tiếp cho anh T. Anh T và chị N không có con chung như trình bày của chị N. Về tài sản chung, công sức đóng góp anh T và chị N không có tài chung và không có đóng góp gì. Nợ chung của vợ chồng chị N và anh T ông bà không biết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N xử:

Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Dư Văn T.

Về con chung: Không có. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp chị N không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị N chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hoàng Thị N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị ly hôn anh Dư Văn T; trú tại Khu 3, xã A, huyện B, tỉnh Phú Thọ; Anh T hiện đang ở Đài Loan. Tại văn bản số: 14768 /QLXNC-P5 ngày 14/6/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an xác định anh Dư Văn T xuất cảnh ngày 23/3/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước . Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

Tại đơn khởi kiện chị N không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị C là mẹ anh T thừa nhận anh

T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình qua điện thoại, bà cũng đã thông báo cho anh T biết việc chị N xin ly hôn anh T. Tòa án đã yêu cầu cung cấp địa chỉ, nhưng bà không cung cấp địa chỉ của anh T. Căn cứ công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình thì đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Về việc vụ án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và không hòa giải được: Do anh T đang ở Đài Loan. Chị N có đơn đề nghị Tòa án không không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và không mở phiên họp hòa giải vì vợ chồng chị không thể hàn gắn được và chị có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ và không hòa giải được. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 5 điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung xét xử vắng mặt anh T, chị N.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị Hoàng Thị N và anh Dư Văn T được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 05/12/2014 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Phú Thọ. Theo đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Dư Văn T là hợp pháp. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cho thấy vợ chồng anh T và chị N quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng sống xa nhau ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, không có sự gần gũi, quan tâm, chia sẻ nên tình cảm vợ chồng lại càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị Hoàng Thị N xin ly hôn với anh Dư Văn T có căn cứ được chấp nhận.

Bị đơn anh Dư Văn T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp pháp. Bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ anh T) xác định anh T hiện đang lao động tại Đài Loan, thường xuyên liên lạc với bà và gia đình qua điện thoại nhưng bà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T, việc chị N xin ly hôn anh T có biết và có đồng ý ly hôn nhưng không có quan điểm gửi về cho Tòa án. Bà cam kết nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T. Việc anh T biết và không có mặt tại các buổi làm việc với Tòa án, không có bản tự khai gửi Tòa án thể hiện với việc anh T từ chối quyền trình bày tại Tòa án.

Về con chung: Chị N và anh T không có con chung, chị N không có con riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết, anh T không có mặt ở Việt Nam nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 5 điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N

1/ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Dư Văn T.

2/ Về con chung: Không có con chung, chị N không có con riêng nên Tòa án không xem xét.

3/ Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm (Xác nhận chị N đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000549 ngày 23/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Toàn

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu HS vụ án